

**KẾ HOẠCH**

**triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Ninh Bình năm 2026**

-----

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW);

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Đảng (sau đây viết tắt là Quyết định số 204-QĐ/TW);

- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là Nghị quyết số 71/NQ-CP);

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Ninh Bình năm 2026 (sau đây viết tắt là Kế hoạch năm 2026), cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2. Tạo lập khung khổ pháp lý và định hướng hành động thống nhất, đồng bộ trên toàn địa bàn tỉnh; phát huy sức mạnh cộng hưởng để tạo ra động lực tăng trưởng mới, đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Giúp cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, doanh nghiệp và nhân dân có nhận thức đúng đắn, tạo sự đồng thuận trong triển khai; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

- Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

3. Tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng, tiềm năng, lợi thế của tỉnh để xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp mang tính đặc thù, phù hợp. Đảm bảo quá trình triển khai phải có sự hài hòa, tích hợp về cơ chế chính sách, thống nhất về hạ tầng kỹ thuật và tối ưu hóa việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

4. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả sản phẩm cụ thể; có cơ chế, công cụ đo lường giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của tỉnh. Các giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể, gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs), phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện.

5. Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ; quy định rõ cơ chế kiểm tra giám sát, báo cáo Ban Chỉ đạo kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ 01 tháng/lần; phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ để đưa ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Năm 2026 là năm tăng tốc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, nhằm đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phong cách công tác, lề lối làm việc hiệu quả, giảm thời gian giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, góp phần quan trọng vào cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tiếp tục nâng cấp đầu tư, tổ chức hạ tầng số, nền tảng số đồng bộ, hiện đại; tổ chức, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu theo kiến trúc thống nhất, tập trung; ứng dụng công nghệ số vào việc đổi mới quy trình nghiệp vụ; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cấp; kết nối, chia

sẽ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn lực triển khai chuyển đổi số trong toàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - thị trường; phát huy hiệu quả hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển đô thị thông minh, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng có sản phẩm, có kết quả, có khả năng nhân rộng.

- Huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội, nguồn vốn; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ rào cản và dẫn dắt phát triển thị trường; các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, bộ, ngành và của tỉnh chủ động xây dựng lộ trình thực hiện, trọng tâm cần tập trung ưu tiên để triển khai thực hiện đạt hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật và xác thực thông tin theo quy định của pháp luật, phù hợp với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, các chủ trương của Đảng, Nhà nước.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **\* Mục tiêu đột phá**

- Hoàn thiện thể chế, khung pháp lý của tỉnh: Khung kiến trúc số; Quy chế quản trị, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh; Đề án chuyển đổi số.

- Hợp nhất nâng cấp 3 trung tâm dữ liệu.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung, làm sạch các cơ sở dữ liệu cốt lõi, trọng tâm bảo đảm tiêu chí "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung" (giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể, giao nhiệm vụ chi tiết cho các sở, ban, ngành, địa phương).

- Nâng cấp trung tâm SOC tỉnh theo yêu cầu của Trung ương.

- Phát triển siêu ứng dụng Ninh Bình số.

- Triển khai chuyển đổi số một số lĩnh vực trọng tâm:

- + Sổ sức khỏe điện tử

- + Sổ học bạ

- + Phát triển du lịch thông minh.

- + Chuyển đổi số nông nghiệp: Chuẩn hoá dữ liệu đất đai, Bản đồ số nông nghiệp...

- + Các lĩnh vực: Giao thông thông minh, quản lý phát triển đô thị, phát triển kinh tế biển và Logistics số.

**\* Các mục tiêu khác** (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

1.1. Thường xuyên rà soát, kiểm toàn, phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức thực hiện; định kỳ đánh giá và điều chỉnh Kế hoạch hành động khi cần thiết, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các chỉ đạo mới của Trung ương.

1.3. Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP, Nghị quyết số 71/NQ-CP vào các chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.4. Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

1.5. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

#### **2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, đẩy mạnh thông tin, truyền thông**

2.1. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết chi tiết, xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

2.2. Xây dựng chương trình truyền thông chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên đa nền tảng, nhiều hình thức linh hoạt, dễ tiếp cận như qua nền tảng "Bình dân học vụ số", phần mềm ứng dụng Sổ tay Đảng viên,...

2.3. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng:

- Huy động các cơ quan báo chí của tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin các cơ quan, đơn vị, cổng thông tin điện tử đổi mới sáng tạo tỉnh để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng truyền thông về các điển hình tiên tiến, các mô hình thành công trong

khoa học, công nghệ, các điển hình trong hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo động lực và lan tỏa trong cộng đồng.

- Xây dựng các chương trình truyền thông đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa để đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận thông tin. Có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và các nền tảng số để tăng cường hiệu quả truyền thông.

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tích cực tham gia tuyên truyền gắn với việc thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phong trào khởi nghiệp sáng tạo.

- Thúc đẩy, phổ biến, lan tỏa văn hoá đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

## 2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

## 3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực.

3.1. Giao Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên rà soát toàn bộ các cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đang có hiệu lực. Trên cơ sở đó, xây dựng lộ trình sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để hình thành một khung khổ pháp lý thống nhất, có tính đột phá, cạnh tranh cao, áp dụng chung cho toàn tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3.2. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân, đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

3.3. Nghiên cứu cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, có kiểm soát rủi ro; tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ; ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

3.4. Đơn giản hóa thủ tục hành chính. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.5. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

#### **4. Xây dựng chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số**

4.1. Xây dựng chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng số thống nhất, đồng bộ, hiện đại, tập trung vào việc quy hoạch lại, kết nối và thống nhất các Trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng, các nền tảng số dùng chung của tỉnh, đảm bảo không chồng chéo, lãng phí và tối ưu hóa hiệu năng.

4.2. Ưu tiên phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng số cho các ngành, lĩnh vực (y tế, giáo dục, du lịch, văn hoá, nông nghiệp môi trường...) khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông, thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.3. Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa, nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện.

4.4. Xây dựng, phát triển (hoặc thuê dịch vụ) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn); xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Triển khai chiến dịch làm sạch và chuẩn hoá dữ liệu quy mô toàn tỉnh, ưu tiên các cơ sở dữ liệu cốt lõi (dân cư, đất đai) để làm nền tảng cho chính quyền địa phương 2 cấp.

4.5. Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

4.6. Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong công tác quản lý, điều hành, khai thác sử dụng phục vụ, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân, đặc biệt là một số lĩnh vực: giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai, thúc đẩy nông nghiệp thông minh; tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững; đô thị thông minh; điều hành giao thông; y tế, giáo dục, du lịch - văn hoá...

4.7. Ban hành Khung Kiến trúc số tỉnh; Kiến trúc dữ liệu; Quy chế Quản trị dữ liệu; Từ điển dữ liệu.

## **5. Xây dựng chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.**

5.1. Tiến hành khảo sát, đánh giá toàn diện thực trạng đội ngũ cán bộ, chuyên gia về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chung cho toàn tỉnh.

5.2. Bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức:

- Xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập....

5.3. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trên địa bàn tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

5.4. Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo.

- Tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên, đội ngũ giáo viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp. Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

- Nâng cao kỹ năng số và tư duy công nghệ cho học sinh các cấp học; triển khai mô hình giáo dục thông minh tại các cơ sở giáo dục.

5.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

5.6. Thu hút nhân tài, chuyên gia

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội tri thức cộng đồng người Ninh Bình ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ phát triển của tỉnh.

## **6. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số**

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Sử dụng các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư. Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa tỉnh với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định. Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường ....

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh. Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

## **7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số**

7.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân

### **7.2. Tăng cường an ninh mạng**

Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố; ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng; định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

7.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng. Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan (Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

## **8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế**

8.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào

tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...).

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

## 8.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu riêng của tỉnh về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế, ký kết các thỏa thuận hợp tác; triển khai các dự án hợp tác cụ thể.

- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hợp tác với các đối tác nước ngoài.

- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến làm việc, hợp tác với tỉnh.

## 9. Giám sát, đánh giá

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch năm 2026, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết năm để rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định.

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN LỰC HỖ TRỢ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chỉ cho hoạt động khoa học - công nghệ, phát triển chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân). Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong

đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí, tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình**

- Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị của tỉnh triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; thường xuyên, chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch.

- Kịp thời đề xuất, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng), báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu. Biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho năm tiếp theo.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo đúng quy định.

- Các Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị mình công tác và trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

### **2. Thường trực Tỉnh ủy**

- Trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch, định kỳ nghe Ban Chỉ đạo cấp tỉnh báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề nổi cộm liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204- QĐ/TW. Chỉ đạo báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2026.

- Quyết định những vấn đề quan trọng, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát, xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

### **3. Các cấp ủy đảng trực thuộc**

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị dựa trên Kế hoạch chung; quán triệt nội dung Kế hoạch đến cán bộ, đảng viên, nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (tạo lập cơ sở dữ liệu, phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh, phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, cuối năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

### **4. Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy**

- Văn phòng Tỉnh ủy:

+ Thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, trình Ban Chỉ đạo cấp tỉnh ban hành; định kỳ tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy, bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án để triển khai các nhiệm vụ được giao (tạo lập cơ sở dữ liệu, hạ tầng số và ứng dụng số).

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan chuyên môn các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; xây dựng các chương trình truyền thông, tuyên truyền cụ thể, phù hợp với từng đối tượng.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

cấp tỉnh tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy: Theo dõi, nắm tình hình và tham mưu giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai Kế hoạch.

### **5. Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Căn cứ Kế hoạch năm 2026 của Tỉnh ủy ban hành kế hoạch triển khai và chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về những giải pháp phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc, xin ý kiến chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, ban hành hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành, kịp thời sửa đổi các cơ chế, chính sách mới để cụ thể hóa những chủ trương, giải pháp của Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong đó đặc biệt quan tâm đến dữ liệu số (tạo lập cơ sở dữ liệu theo chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, các bộ, ngành và tỉnh) rõ sản phẩm, cụ thể tiến độ, thời gian; quan tâm đầu tư nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách: Thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, cuối năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

### **6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW

và Kế hoạch năm 2026.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội việc thực hiện Kế hoạch năm 2026, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của nhân dân.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các đối tượng có liên quan.

## **7. Chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết năm**

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, uỷ ban nhân dân, sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Ban Chỉ đạo tỉnh; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm. Phối hợp với các ban đảng, uỷ ban nhân dân sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. 6 tháng và cuối nhiệm kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết trên phạm vi toàn tỉnh; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho năm tiếp theo.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu đồng chí Bí thư các đảng uỷ trực thuộc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) để xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Đặng Xuân Phong**

**PHỤ LỤC**  
**MỤC TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57/NQ-TW NĂM 2026**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 10 tháng 01 năm 2026*  
*của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

STT	Tên/Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá	Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
<b>I</b>	<b>Phát triển hạ tầng</b>			
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên dân số $\geq 95\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương
2	Có $\geq 70\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương
3	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh
4	100% cán bộ, công chức có trách nhiệm xử lý văn bản trên mạng. Quản lý tốt các trang thiết bị máy tính, thiết bị bảo mật được cấp và sử dụng thành thạo chữ ký số chuyên dùng trong công việc hàng ngày theo đúng quy định.	Văn phòng Tỉnh ủy;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan Đảng, Nhà nước trong tỉnh
5	Hoàn thành xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình cho các cơ quan Đảng từ tỉnh đến các xã, phường trong tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; VNPT, Viettel Ninh Bình

STT	Tên/Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá	Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
<b>II</b>	<b>Phát triển nguồn lực</b>			
1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số $\geq 3,5\%$ trong tổng chi ngân sách địa phương	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh
2	100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; Đảng ủy, UBND cấp xã	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh; các đơn vị liên quan
3	100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức CT-XH	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành; các đơn vị liên quan
4	Có $\geq 90\%$ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND tỉnh; các sở ban, ngành, địa phương, tổ chức CT-XH	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Có $\geq 82\%$ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Bảo hiểm xã hội; các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở ban, ngành; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
6	Có từ 08 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban,

STT	Tên/Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá	Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
				ngành, địa phương; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
7	100% giáo viên và $\geq 65\%$ học sinh phổ thông được tập huấn kỹ năng cơ bản về dạy – học trên nền tảng số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, các cơ sở đào tạo
<b>III</b>	<b>Phát triển khoa học, công nghệ</b>			
1	Có $\geq 30$ doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
2	Có $\geq 3$ tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Sở, ban, ngành của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; các Viện, Trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh
3	Có $\geq 25$ đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương
4	Có $\geq 350$ cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp
5	Có $\geq 30$ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương
6	Có $\geq 40\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Các sở, ban, ngành, địa phương
7	Có $\geq 10$ đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp

STT	Tên/Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá	Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
8	Có $\geq 13\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp	Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, các Viện, Trường đại học, cao đẳng
9	Có $\geq 30$ bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Trường Đại học Hoa Lư	Trường Đại học Hoa Lư	Các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp
10	Ứng dụng AI, IoT, Big Data, ... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương	Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
11	Có $\geq 15\%$ đề tài nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo của học sinh phổ thông đạt giải cấp tỉnh hoặc quốc gia được ứng dụng thực tiễn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở đào tạo
<b>IV</b>	<b>Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo</b>			
1	Có $\geq 20\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Sở Tài chính	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; các đơn vị liên quan
2	Có $\geq 30$ sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh các Hợp tác xã tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
3	Có $\geq 15$ dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ,	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương; các đơn vị có liên quan
4	Có $\geq 5$ sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp

STT	Tên/Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá	Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
5	Có $\geq 50$ bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp; các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Các đơn vị có liên quan
6	Có $\geq 13\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường	Sở Công thương	Sở Tài chính, Sở Công thương; các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các viện/trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các địa phương, các đơn vị có liên quan
7	Có $\geq 40$ sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương
8	Có $\geq 15$ trường phổ thông trên địa bàn tỉnh có chương trình hợp tác hoặc hoạt động nghiên cứu KH&CN, đổi mới sáng tạo với doanh nghiệp hoặc trường đại học, cao đẳng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở đào tạo; các tổ chức, đơn vị có liên quan
<b>V</b>	<b>Phát triển chuyển đổi số</b>			
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0.70$	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
2	100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
3	100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở	Các sở, ban, ngành, địa phương; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan

STT	Tên/Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá	Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
			Tài chính; Sở Công Thương; Sở Tài nguyên và Môi trường; BQL Khu công nghiệp	
4	Có $\geq 80\%$ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc"	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
5	Có $\geq 95\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hoá	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
6	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan
7	Có $\geq 90\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
8	Có $\geq 95\%$ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
9	Có $\geq 95\%$ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
10	100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan

STT	Tên/Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá	Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
11	Có 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
12	Có $\geq 50\%$ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành	Các địa phương, các tổ chức CT-XH; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
13	Có $\geq 60\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hoá & liên thông với Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành	Các địa phương; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
14	Có $\geq 75\%$ dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành của tỉnh	Các địa phương, các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
15	Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Sở Công thương	Sở Tài chính, Sở Công thương; các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Sở Khoa học và Công nghệ; các địa phương, các đơn vị có liên quan
16	Có $\geq 70\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Các địa phương; các cơ quan, đơn vị có liên quan
17	100% đảng uỷ, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Tỉnh ủy; Đảng ủy, UBND các xã, phường	Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
18	Quy mô kinh tế số đạt 15% GRDP	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; các doanh nghiệp	Sở Tài chính; Sở Công thương; Chi Cục thống kê tỉnh; các đơn vị liên quan
19	Có $\geq 15\%$ học liệu trong chương trình giáo dục phổ thông được số hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở đào tạo